

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245/2024/DS -PT
Ngày: 11/9/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2024/TLPT-DS ngày 31/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lê Phương A tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền số 169165.23 ngày 15/01/2024). Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, B U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Tô Thị Thu L, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 85/2/14, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ tạm trú: 5 N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024 của Ngân hàng TMCP Q cùng bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/07/2020, Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V1) đồng ý cấp Thẻ Tín Dụng cho bà Tô Thị Thu L theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V1; Hạn mức thẻ: 135.000.000đồng; Lãi suất, phí: Theo Bản chấp thuận về Biểu phí và Điều khoản điều kiện của Ngân hàng V1 từng thời kỳ.

Ngày 05/8/2022, Ngân hàng V1 và bà Tô Thị Thu L có ký Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 với nội dung: VIB cho bà Tô Thị Thu L vay số tiền 6.200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu nhận chuyển nhượng bất động sản tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 55, phường T, tp ., tỉnh Đồng Nai; Thời hạn vay: 300 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 19/09/2047; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,5%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 19, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 19/10/2022; Ngày trả phí: theo quy định của Ngân hàng V1 từng thời kỳ.

Ngày 19/09/2022, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Tô Thị Thu L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022 với số tiền 6.200.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 73, tờ bản đồ số: 55 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 796033, số vào sổ cấp GCN: CH05355 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2010, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 21/09/2022 đứng tên bà Tô Thị Thu L”. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2989020.22.664 ngày 22/09/2022, số công chứng 004841, quyền số 13/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai công chứng ngày 22/09/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tô Thị Thu L đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 19/01/2023 và đang xếp loại nợ nhóm 4 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

Nay Ngân hàng V1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn thanh toán nợ tính đến ngày 20/5/2024 bà Tô Thị Thu L còn nợ số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 gồm tiền nợ gốc là 6.137.999.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 728.249.922 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 539.598.205 đồng. Tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng là 7.405.847.127 đồng; Và nợ số tiền theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498 gồm tiền nợ gốc là 128.169.859 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 63.385.238 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 43.188.229 đồng. Tổng số tiền còn nợ của số thẻ như sau: 5130949400045498 là 234.743.326 đồng. Tổng số tiền của 02 khoản vay trên bà L còn nợ Ngân hàng V1 là 7.640.590.453đ (Bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng).

- Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử 20/5/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng mở thẻ tín dụng, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán được hoặc thanh toán không đủ số nợ thì Ngân hàng V1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ, bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng V1.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Tô Thị Thu L trình bày:**

Bà thừa nhận những lời trình bày của đại diện của Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V1). Ngày 07/07/2020, bà được Ngân hàng V1 đồng ý cấp Thẻ Tín Dụng cho bà theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V1; Hạn mức thẻ: 135.000.000 đồng.

Ngày 05/8/2022, bà có ký với Ngân hàng TMCP Q Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 với nội dung: V1 cho bà Tô Thị Thu L vay số tiền 6.200.000.000 đồng;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số: 73, tờ bản đồ số: 55 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 796033, số vào sổ cấp GCN: CH05355 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2010, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 21/09/2022 đứng tên bà Tô Thị Thu L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2989020.22.664 ngày 22/09/2022, số công chứng 004841, quyền số 13/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai công chứng ngày 22/09/2022.

Bà đã thanh toán một phần tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng như Ngân hàng đã tính thì không trả nữa do làm ăn thua lỗ và bị lừa một khoản tiền lớn dẫn đến mất khả năng thanh toán. Nay bà đồng ý trả số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng nhưng vì điều kiện khó khăn nên bà xin trả dần hoặc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để bà sắp xếp trong thời hạn 02 tháng bà lấy lại tài sản đang được thi hành án từ người khác rồi bà thanh toán toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn hoặc nguyên đơn sắp xếp miễn tiền lãi cho bị đơn để bị đơn sắp xếp trả tiền gốc cho nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/HNGĐ-ST ngày 20/5/2024 Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa đã áp dụng các Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 324 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

1.1. Buộc bà Tô Thị Thu L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 7.405.847.127đ (bảy tỷ bốn trăm lẻ năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 6.137.999.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 728.249.922 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 539.598.205 đồng phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Tô Thị Thu L.

1.2. Buộc bà **Tô Thị Thu L** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q** tổng số tiền **234.743.326đ** (hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 128.169.859 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 63.385.238 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 43.188.229 đồng phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Premier Boundless ngày 07/7/2020 giữa **Ngân hàng TMCP Q** và bà **Tô Thị Thu L**.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 31/5/2024, bà **Tô Thị Thu L** có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa 1 phần án sơ thẩm theo hướng: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phần tiền lãi. Tại cấp phúc thẩm, bà **L** đề nghị: cho bà thời gian hết năm 2024 để bà có thời gian thu xếp trả nợ cho Ngân hàng; Ngoài ra bà cũng đề nghị Ngân hàng hỗ trợ giảm cho bà ít tiền lãi (bao nhiêu là tùy Ngân hàng xem xét).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Về đường lối: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp đã đủ cơ sở xác định vào ngày 05/8/2022 bà **L** có ký hợp đồng cấp tín dụng số 9055627.22 để vay của Ngân hàng số tiền 6.200.000.000 đồng; cùng với những thỏa thuận như đã nêu cụ thể trong hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo cho khoản vay bà **L** đã ký hợp đồng thế chấp số 2989020.22.664 ngày 22/9/2022, trong đó dùng tài sản của bà đứng tên là thửa đất số 73, tờ bản đồ 55 tại **phường T, thành phố B** để thế chấp. Ngày 06/7/2020, bà **L** có đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với số thẻ 5130949400045498, hạn mức cấp tín dụng là 135.000.000 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên do các bên đương sự tự nguyện ký kết, không bị ép buộc, lừa dối; về hình thức và nội dung của hợp đồng tuân thủ đúng và đầy đủ các điều kiện có hiệu lực theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, việc thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì

vậy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp này là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà **L** chỉ trả nợ gốc, lãi được 211.446.067 đồng (trong đó gốc: 62.001.000đ, lãi là 149.445.067đ) thì ngưng không tiếp tục trả, do đó bà **L** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Đối với thẻ tín dụng quốc tế, bà **L** đã sử dụng hạn mức nợ gốc là 128.169.859 đồng, lãi quá hạn và phí là 106.573.467 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/5/2024), bà **L** còn nợ **N** hạn là: 7.405.847.127 đồng bao gồm: nợ gốc là 6.137.999.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 728.249.922 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 539.598.205 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022; trong đó nợ gốc là 128.169.859 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 63.385.238 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 43.188.229 đồng theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế **V1** ngày 07/7/2020. (BL 165-167)

Căn cứ quy định tại các Điều 357, 418, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b, khoản 4, Điều 13, Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1** về phạt vi phạm và tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019 cũng quy định trường hợp bên vay không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận (lãi trong hạn và lãi quá hạn) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định (mức phạt không quá 10% theo Điều 13 Thông tư số 39/2019). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng quy định pháp luật.

Bà **L** thừa nhận nợ gốc ghi nhận tại hợp đồng cấp tín dụng số 9055627.22 và thẻ tín dụng quốc tế số 5130949400045498 nên yêu cầu miễn tiền lãi của bà không có cơ sở xem xét, bà **L** cũng không cung cấp thêm được chứng cứ mới nên kháng cáo của bà không có căn cứ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà **Tô Thị Thu L1**; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Ngày 07/07/2020, Ngân hàng V1 đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho bà Tô Thị Thu L theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V1; Hạn mức thẻ: 135.000.000đồng; Lãi suất, phí: Theo Bản chấp thuận về Biểu phí và Điều khoản điều kiện của Ngân hàng V1 từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ, bà L đã sử dụng 128.169.859 đồng (nợ gốc), tiền nợ lãi trong hạn là 63.385.238 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 43.188.229 đồng.

Ngày 05/8/2022, Ngân hàng TMCP Q và bà Tô Thị Thu L có ký Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 với nội dung: VIB cho bà Tô Thị Thu L vay số tiền 6.200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: đáp ứng nhu cầu nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay: 300 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 19/09/2047; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,5%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 19, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 19/10/2022; Ngày trả phí: theo quy định của Ngân hàng V1 từng thời kỳ.

Ngày 19/09/2022, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Tô Thị Thu L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022 với số tiền 6.200.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo các khoản vay trên thì bà L có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2989020.22.664 ngày 22/09/2022 với Ngân hàng V1 để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 73, tờ bản đồ số: 55 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 796033, số vào sổ cấp GCN: CH05355 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2010, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 21/09/2022 đứng tên bà Tô Thị Thu L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Tô Thị Thu L thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như Ngân hàng trình bày. Vì vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 là có cơ sở chấp

nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Thu L cho rằng do điều kiện kinh tế hiện nay của bà đang gặp khó khăn nên bà đề nghị Tòa án cho bà thời gian hết năm 2024 để bà có thời gian thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà cũng đề nghị Ngân hàng hỗ trợ giảm cho bà ít tiền lãi, cũng như án phí. Yêu cầu của bà L không được Ngân hàng VI đồng ý và cũng không có cơ sở pháp lý nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ đơn kháng cáo của bà Tô Thị Thu L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2024/HNGĐ-ST ngày 20/5/2024 Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa

- Căn cứ Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 324 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

1.1. Buộc bà Tô Thị Thu L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền **7.405.847.127đ** (bảy tỷ bốn trăm lẻ năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 6.137.999.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 728.249.922 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 539.598.205 đồng phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Tô Thị Thu L.

1.2. Buộc bà Tô Thị Thu L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền **234.743.326đ** (hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 128.169.859 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 63.385.238 đồng và tiền nợ lãi quá hạn, phí là 43.188.229 đồng phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong

Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Premier Boundless ngày 07/7/2020 giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Tô Thị Thu L.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2024), bị đơn bà Tô Thị Thu L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9055627.22 ngày 05/08/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 9055627(1).22 ngày 19/09/2022 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, chi tiết số thẻ như sau: 5130949400045498; Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Premier Boundless ngày 07/7/2020 giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Tô Thị Thu L cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ gốc này.

1.4. Ngay sau khi bà Tô Thị Thu L thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho bà Tô Thị Thu L toàn bộ các giấy tờ pháp lý được ghi nhận tại Điều 10.12 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2989020.22.664 ngày 22/09/2022 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 796033, số vào sổ cấp GCN: CH05355 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2010, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 21/09/2022 đứng tên bà Tô Thị Thu L.

1.5. Trường hợp bà Tô Thị Thu L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất số 2989020.22.664 ngày 22/9/2022. Tài sản bảo đảm cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 73, tờ bản đồ số: 55 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 796033, số vào sổ cấp GCN: CH05355 do UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2010, cập nhật thay đổi gần nhất ngày 21/09/2022 đứng tên bà Tô Thị Thu L.

1.6. Trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì bà Tô Thị Thu L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Tô Thị Thu L phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm là: 115.640.590đ (một trăm mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm chín mươi đồng) bà Tô Thị Thu L phải chịu.

H lại cho Ngân hàng TMCP Q là 57.555.000đ (năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002320 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: bà Tô Thị Thu L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004133 ngày 06/6/2024 của Thi hành án dân sự TP. được trừ vào số tiền án phí phúc thẩm mà bà L phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa
- TAND TP. Biên Hòa
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Lệ Trang

